

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần chứng khoán APG (APG) xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tại APG tháng 02/2025 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC	ADC		
2	AME	AME		
3	ARM	ARM		
4	ATS	ATS		
5	BAB	BAB		
6	BAX	BAX		
7	BBS	BBS		
8	BCF	BCF		
9	BDB	BDB		
10	BED	BED		
11	BPC	BPC		
12	BSC	BSC		
13	BST	BST		
14	BTW	BTW		
15	BVS	BVS		
16	CAG	CAG		
17	CAP	CAP		
18	CDN	CDN		
19	CLH	CLH		
20	CLM	CLM		
21	CPC	CPC		
22	CSC	CSC		
23	CTB	CTB		
24	CTT	CTT		
25	D11	D11		
26	DAD	DAD		
27	DAE	DAE		
28	DC2	DC2		
29	DHP	DHP		
30	DHT	DHT		
31	DL1	DL1		
32	DNC	DNC		
33	DNP	DNP		
34	DP3	DP3		
35	DTD			DTD
36	DTK	DTK		
37	DXP	DXP		
38	EID	EID		
39	GDW	GDW		
40	GIC	GIC		



41	GKM			GKM
42	GMX	GMX		
43	HAD	HAD		
44	HAT	HAT		
45	HBS			HBS
46	HCC	HCC		
47	HHC	HHC		
48	HJS	HJS		
49	HLC	HLC		
50	HTC	HTC		
51	HVT	HVT		
52	IDC	IDC		
53	IDV	IDV		
54	INC	INC		
55	INN	INN		
56	KST	KST		
57	LAS	LAS		
58	LHC	LHC		
59	LIG	LIG		
60	MBS	MBS		
61	MCC	MCC		
62	MCF	MCF		
63	MCO	MCO		
64	MDC	MDC		
65	MEL	MEL		
66	MKV	MKV		
67	MVB	MVB		
68	NAG	NAG		
69	NAP	NAP		
70	NBC	NBC		
71	NBP	NBP		
72	NBW	NBW		
73	NET	NET		
74	NFC	NFC		
75	NTH	NTH		
76	NTP	NTP		
77	PBP	PBP		
78	PCE	PCE		
79	PCT	PCT		
80	PDB	PDB		
81	PGN	PGN		
82	PGS	PGS		
83	PIA	PIA		
84	PIC	PIC		
85	PLC	PLC		
86	PMB	PMB		
87	PMC	PMC		
88	PMP	PMP		
89	PMS	PMS		
90	POT	POT		
91	PPP	PPP		
92	PPS	PPS		
93	PPY	PPY		
94	PRC	PRC		
95	PRE	PRE		

96	PSC	PSC		
97	PSD	PSD		
98	PSE	PSE		
99	PSI			PSI
100	PSW	PSW		
101	PTS	PTS		
102	PVC			PVC
103	PVG			PVG
104	PVI	PVI		
105	PVS	PVS		
106	QHD	QHD		
107	QST	QST		
108	RCL	RCL		
109	S55	S55		
110	S99	S99		
111	SAF	SAF		
112	SCI	SCI		
113	SD5	SD5		
114	SD9	SD9		
115	SDC	SDC		
116	SDN	SDN		
117	SEB	SEB		
118	SED	SED		
119	SGC	SGC		
120	SHE	SHE		
121	SHN	SHN		
122	SJ1	SJ1		
123	SLS	SLS		
124	SMN	SMN		
125	STC	STC		
126	SVN	SVN		
127	SZB	SZB		
128	TA9	TA9		
129	TDN	TDN		
130	TDT	TDT		
131	TET	TET		
132	THD	THD		
133	THS	THS		
134	THT	THT		
135	TIG	TIG		
136	TMB	TMB		
137	TMC	TMC		
138	TNG	TNG		
139	TPH	TPH		
140	TPP	TPP		
141	TSB	TSB		
142	TTC	TTC		
143	TTL	TTL		
144	TTT	TTT		
145	TV4	TV4		
146	TVD	TVD		
147	V12	V12		
148	VBC	VBC		
149	VC3	VC3		
150	VC6	VC6		

151	VC7			VC7
152	VCC	VCC		
153	VCS	VCS		
154	VGS	VGS		
155	VHE	VHE		
156	VIF	VIF		
157	VMS	VMS		
158	VNC	VNC		
159	VNR	VNR		
160	VSA	VSA		
161	VSM	VSM		
162	WCS	WCS		

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TP HCM

STT	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã CK bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã CK thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABT	ABT		
3	ACB			ACB
4	ACC	ACC		
5	ACL	ACL		
6	ADS	ADS		
7	AGG	AGG		
8	AGR	AGR		
9	ANV	ANV		
10	ASM	ASM		
11	BBC	BBC		
12	BCG	BCG		
13	BCM			BCM
14	BFC	BFC		
15	BIC	BIC		
16	BID			BID
17	BKG			BKG
18	BMC	BMC		
19	BMI	BMI		
20	BMP	BMP		
21	BRC	BRC		
22	BSI			BSI
23	BTP	BTP		
24	BTT	BTT		
25	BVH			BVH
26	BWE	BWE		
27	CCI	CCI		
28	CCL	CCL		
29	CDC	CDC		
30	CII	CII		
31	CLC	CLC		
32	CLW	CLW		
33	CMG	CMG		
34	CMV	CMV		
35	CNG	CNG		
36	COM	COM		
37	CRC	CRC		
38	CSM	CSM		
39	CSV			CSV
40	CTD	CTD		
41	CTF	CTF		
42	CTG			CTG

43	CTS	CTS		
44	CVT	CVT		
45	DAT	DAT		
46	DBC			DBC
47	DBD	DBD		
48	DBT	DBT		
49	DCL	DCL		
50	DCM	DCM		
51	DGC	DGC		
52	DGW	DGW		
53	DHA	DHA		
54	DHC			DHC
55	DHG	DHG		
56	DIG	DIG		
57	DPG	DPG		
58	DPM	DPM		
59	DPR	DPR		
60	DRC	DRC		
61	DRL	DRL		
62	DSN	DSN		
63	DTA	DTA		
64	DTT	DTT		
65	DVP	DVP		
66	DXG			DXG
67	EIB	EIB		
68	ELC	ELC		
69	FIR	FIR		
70	FMC	FMC		
71	FPT			FPT
72	FTS	FTS		
73	GAS			GAS
74	GDT	GDT		
75	GEG	GEG		
76	GEX			GEX
77	GMD	GMD		
78	GSP	GSP		
79	GTA	GTA		
80	GVR			GVR
81	HAH	HAH		
82	HAP	HAP		
83	HAX	HAX		
84	HCD	HCD		
85	HCM	HCM		
86	HDB			HDB
87	HDC	HDC		
88	HDG	HDG		
89	HHP	HHP		
90	HHS	HHS		
91	HMC	HMC		
92	HPG			HPG
93	HQC			HQC
94	HRC	HRC		
95	HSL	HSL		
96	HTI	HTI		
97	HTL	HTL		
98	HTN	HTN		
99	HTV	HTV		
100	HUB	HUB		
101	HVH	HVH		

102	IDI	IDI		
103	IJC	IJC		
104	ILB	ILB		
105	IMP	IMP		
106	ITC	ITC		
107	KBC			KBC
108	KDC	KDC		
109	KDH	KDH		
110	KMR	KMR		
111	KOS			KOS
112	KSB	KSB		
113	L10	L10		
114	LBM	LBM		
115	LCG	LCG		
116	LGC	LGC		
117	LIX	LIX		
118	LM8	LM8		
119	LPB			LPB
120	LSS	LSS		
121	MBB			MBB
122	MCP	MCP		
123	MIG	MIG		
124	MSB	MSB		
125	MSH	MSH		
126	MSN			MSN
127	MWG			MWG
128	NAF	NAF		
129	NAV	NAV		
130	NBB	NBB		
131	NCT	NCT		
132	NHA	NHA		
133	NHH	NHH		
134	NLG	NLG		
135	NNC	NNC		
136	NSC	NSC		
137	NTL	NTL		
138	OCB	OCB		
139	OPC	OPC		
140	PAC	PAC		
141	PAN			PAN
142	PCI	PCI		
143	PDN	PDN		
144	PDR	PDR		
145	PET	PET		
146	PGC	PGC		
147	PGD	PGD		
148	PGI	PGI		
149	PHC			PHC
150	PHR	PHR		
151	PJT	PJT		
152	PLX			PLX
153	PNJ	PNJ		
154	POW	POW		
155	PVT	PVT		
156	REE	REE		
157	S4A	S4A		
158	SAB			SAB
159	SAM			SAM
160	SBA	SBA		

161	SBT	SBT		
162	SCR	SCR		
163	SFC	SFC		
164	SFG	SFG		
165	SFI	SFI		
166	SGN	SGN		
167	SHA	SHA		
168	SHB			SHB
169	SHI	SHI		
170	SHP	SHP		
171	SJS	SJS		
172	SMB	SMB		
173	SRC	SRC		
174	SSB			SSB
175	SSC	SSC		
176	SSI			SSI
177	ST8	ST8		
178	STB			STB
179	STG	STG		
180	SVC	SVC		
181	SVI	SVI		
182	SVT	SVT		
183	SZC	SZC		
184	SZL	SZL		
185	TAC	TAC		
186	TBC	TBC		
187	TCB			TCB
188	TCD	TCD		
189	TCH	TCH		
190	TCL	TCL		
191	TCO	TCO		
192	TCT	TCT		
193	TDG	TDG		
194	TDM	TDM		
195	TDP	TDP		
196	TEG	TEG		
197	THG	THG		
198	TIP	TIP		
199	TIX	TIX		
200	TLG	TLG		
201	TMP	TMP		
202	TMS	TMS		
203	TN1	TN1		
204	TNC	TNC		
205	TNH	TNH		
206	TPB			TPB
207	TRA	TRA		
208	TRC	TRC		
209	TTA	TTA		
210	TV2	TV2		
211	TVS	TVS		
212	TVT	TVT		
213	UIC	UIC		
214	VCB			VCB
215	VCF	VCF		
216	VCG	VCG		
217	VCI	VCI		
218	VDP	VDP		
219	VGC	VGC		

